

**Deloitte.**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ  
VIỆT NAM**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,  
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	12 - 50

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,  
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lập Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Bùi Ngọc Thắng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Huy Hòa	Ủy viên
Ông Bùi Ngọc Hưng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hường	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Minh	Ủy viên

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Anh Minh	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duyên Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (tạm đình chỉ công tác từ ngày 21 tháng 9 năm 2016)
Ông Trần Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2016)

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,  
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

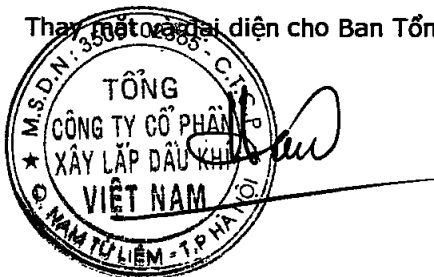
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Bùi Tiến Thành**

**Phó Tổng Giám đốc**

(Giấy ủy quyền số 807/UQ-XLDK  
ngày 15 tháng 3 năm 2017)

Ngày 10 tháng 4 năm 2017.

Số: 888 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 10 tháng 4 năm 2017, từ trang 6 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

1. Như trình bày tại Thuyết minh số 21 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có khoản đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land) được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán với giá trị ghi sổ và giá trị dự phòng cho khoản đầu tư này lần lượt là khoảng 204 tỷ VND và khoảng 157 tỷ VND. Tổng Công ty trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào PVC-Land dựa trên phần vốn góp thực tế của Tổng Công ty và báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của PVC-Land cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập trên giả định hoạt động liên tục. Theo báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của PVC-Land cung cấp, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 314,8 tỷ VND, lỗ lũy kế của PVC-Land là khoảng 194,4 tỷ VND và các vấn đề khác ảnh hưởng tới giả định hoạt động liên tục của PVC-Land. Giả định PVC-Land hoạt động liên tục có phù hợp hay không phụ thuộc vào khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của PVC-Land. Tổng Công ty chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị của khoản đầu tư vào PVC-Land từ vấn đề nêu trên. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)*

- Như trình bày tại Thuyết minh số 21 phần Thuyết minh báo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có một số khoản góp vốn vào các đơn vị khác đang được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là khoảng 20,8 tỷ VND và khoảng 3 tỷ VND. Tổng Công ty chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư nêu trên. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn. Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 ký ngày 10 tháng 3 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh này trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 2015. Trong năm 2016, Tổng Công ty đã đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thư bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại 01 tổ chức tín dụng có sự thay đổi trên cơ sở Tổng Công ty đánh giá PVC-SG đã có phương án trả nợ và tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay tại tổ chức tín dụng cũng như Tổng Công ty xác định rằng tổ chức tín dụng này đã gia hạn thời gian trả nợ cho khoản vay của PVC-SG. Do đó, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh nêu trên với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty vẫn đang làm việc với PVC-SG và tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá cơ sở cho việc hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh của Tổng Công ty cho PVC-SG nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### *Các vấn đề cần nhấn mạnh*

- Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ lũy kế của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là khoảng 2.888 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: lỗ lũy kế khoảng 3.026 tỷ VND), nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 561 tỷ VND và các vấn đề khác có thể ảnh hưởng tới khả năng thanh toán của Tổng Công ty trong 12 tháng tới. Kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 9 và Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có một số khoản cho vay và bảo lãnh vay cho một số công ty với số tiền lần lượt khoảng 565 tỷ VND và khoảng 238 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đang tiếp tục làm việc với các công ty được bảo lãnh, cho vay và các tổ chức tín dụng để thu hồi các khoản cho vay, giải tỏa thư bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Các vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

- Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và Thuyết minh số 40 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc và bổ sung các thủ tục theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được phê duyệt chuyển nhượng Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang, cũng như được phê duyệt các giá trị phát sinh chưa lường hết của các công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 40 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty là nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTCP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị và Thông báo số 3130/TB-TTCP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đánh giá ảnh hưởng của các kết luận nêu trên của Thanh tra Chính phủ đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ các kết luận này của Thanh tra Chính phủ.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trên.

### Vấn đề khác

Trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty đã được chúng tôi kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần và một số vấn đề cần nhấn mạnh, khoản dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh của Tổng Công ty cho PVC-SG vay vốn tại Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đã được Tổng Công ty hoàn nhập toàn bộ với số tiền khoảng 50 tỷ VND (trong tổng số tiền thuận 126 tỷ VND dự phòng nghĩa vụ bảo lãnh được Tổng Công ty hoàn nhập) và vấn đề hoàn nhập này được đề cập trong đoạn "Vấn đề cần nhấn mạnh" trên Báo cáo kiểm toán số 976/M.Đ.N.0100/12500-BC ngày 30 tháng 3 năm 2015.



**Đặng Chí Dũng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0030-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho**

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 10 tháng 4 năm 2017

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Đỗ Trung Kiên**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1924-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>4.988.416.548.084</b>	<b>6.561.222.950.072</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>614.570.679.581</b>	<b>525.542.570.371</b>
1. Tiền	111		491.597.228.573	400.042.570.371
2. Các khoản tương đương tiền	112		122.973.451.008	125.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>88.103.069.636</b>	<b>99.364.960.768</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		152.668.065.000	201.868.065.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(123.481.055.000)	(158.339.452.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		58.916.059.636	55.836.347.768
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.788.947.307.277</b>	<b>2.188.236.515.346</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	625.353.122.976	790.649.294.095
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.123.578.226.517	1.112.136.275.736
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	575.741.688.393	43.283.031.104
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	434.275.248.935	1.051.585.014.870
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(970.000.979.544)	(809.417.100.459)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>2.410.350.265.622</b>	<b>3.554.629.836.553</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.410.350.265.622	3.554.629.836.553
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>86.445.225.968</b>	<b>193.449.067.034</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	643.471.158	1.647.366.445
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		64.520.427.275	170.544.360.584
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	24	21.281.327.535	21.257.340.005

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.897.756.852.353</b>	<b>2.149.784.513.396</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>55.393.916.889</b>	<b>316.003.686.351</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	-	564.744.018.658
2. Phải thu dài hạn khác	216	10	55.393.916.889	55.393.916.889
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	-	(304.134.249.196)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>39.849.356.335</b>	<b>49.438.801.468</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	29.164.624.345	36.091.953.215
- Nguyên giá	222		84.437.409.632	84.800.202.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(55.272.785.287)	(48.708.249.535)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	15	10.684.731.990	13.310.845.098
- Nguyên giá	225		18.676.108.182	18.676.108.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(7.991.376.192)	(5.365.263.084)
3. Tài sản cố định vô hình	227	16	-	36.003.155
- Nguyên giá	228		4.652.380.340	4.652.380.340
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.652.380.340)	(4.616.377.185)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>17</b>	<b>160.747.455.076</b>	<b>158.533.013.657</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		26.197.663.020	24.797.207.501
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		134.549.792.056	133.735.806.156
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.586.870.101.056</b>	<b>1.554.381.547.587</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	18	1.986.206.514.396	1.986.206.514.396
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	19	784.806.467.055	773.588.907.055
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	20	257.059.968.199	267.259.968.199
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	21	(1.441.202.848.594)	(1.472.673.842.063)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>54.896.022.997</b>	<b>71.427.464.333</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	54.896.022.997	71.427.464.333
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>6.886.173.400.437</b>	<b>8.711.007.463.468</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016


Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5.696.221.929.332</b>	<b>7.659.815.321.333</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.549.140.584.131</b>	<b>6.541.783.049.433</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	22	3.168.426.705.211	3.217.294.012.278
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	23	659.743.063.113	2.414.981.003.750
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	24	1.992.677.782	2.280.828.753
4. Phải trả người lao động	314		52.021.025.504	48.396.743.926
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	25	318.392.344.388	372.826.343.740
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.831.090.877	12.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	26	331.250.462.331	427.426.132.844
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	27	1.019.764.425.998	65.847.195.215
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(7.281.211.073)	(7.281.211.073)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>147.081.345.201</b>	<b>1.118.032.271.900</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	25	72.178.785.046	73.220.620.500
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		68.933.617.780	78.787.299.545
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	28	2.472.581.503	960.663.265.186
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		3.496.360.872	5.361.086.669
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.189.951.471.105</b>	<b>1.051.192.142.135</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>29</b>	<b>1.189.951.471.105</b>	<b>1.051.192.142.135</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(29.710.000)	(29.710.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		76.986.992.734	76.986.992.734
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		500.000.000	500.000.000
5. (Lỗ) lũy kế	421		(2.887.505.811.629)	(3.026.265.140.599)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.026.265.140.599)	(3.162.943.749.287)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		138.759.328.970	136.678.608.688
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>6.886.273.406.437</b>	<b>8.711.007.463.468</b>

  
Vũ Thị Châm  
Người lập biểu

  
Lưu Đức Hoàng  
Kế toán trưởng



  
Bùi Tiến Thành  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>31</b>	<b>7.045.404.921.805</b>	<b>8.950.086.022.303</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	-	216.946.739
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>31</b>	<b>7.045.404.921.805</b>	<b>8.949.869.075.564</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	32	6.989.359.317.766	8.673.934.056.194
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>56.045.604.039</b>	<b>275.935.019.370</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	51.097.269.143	124.235.168.046
7. Chi phí tài chính	22	34	(57.997.426.831)	(107.242.130.774)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.681.156.015	6.399.836.136
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	27.923.735.774	389.529.986.193
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)</b>	<b>30</b>		<b>137.216.564.239</b>	<b>117.882.331.997</b>
10. Thu nhập khác	31		2.236.185.419	18.905.467.094
11. Chi phí khác	32		2.380.570.947	1.274.644.027
<b>12. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(144.385.528)</b>	<b>17.630.823.067</b>
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>137.072.178.711</b>	<b>135.513.155.064</b>
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	37	177.575.538	-
15. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(1.864.725.797)	(1.165.453.624)
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>138.759.328.970</b>	<b>136.678.608.688</b>

*(Handwritten signature)*

**Vũ Thị Châm**  
Người lập biểu

Ngày 10 tháng 4 năm 2017

*(Handwritten signature)*

**Lưu Đức Hoàng**  
Kế toán trưởng



**Bùi Tiến Thành**  
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>137.072.178.711</b>	<b>135.513.155.064</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	10.257.351.678	10.017.136.117
Các khoản dự phòng	03	(309.792.073.083)	225.186.513.665
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.182.922.417)	(2.874.219.677)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(17.133.776.206)	(34.105.922.935)
Chi phí lãi vay	06	6.681.156.015	6.399.836.136
<b>3. (Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(175.098.085.302)</b>	<b>340.136.498.370</b>
Giảm các khoản phải thu	09	811.361.195.404	1.007.999.095.661
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	1.142.879.115.412	(1.191.326.410.115)
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả)	11	(1.868.124.811.344)	(799.613.041.281)
Giảm chi phí trả trước	12	17.535.336.623	11.798.470.061
Giảm chứng khoán kinh doanh	13	49.200.000.000	44.515.288.800
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.037.974.782)	(1.815.875.518)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(177.575.538)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	9.862.580.798	9.046.353.985
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(12.727.635.017)	(9.890.467.930)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(28.327.853.746)</b>	<b>(589.150.087.967)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(4.162.243.808)	(12.280.537.578)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	418.743.705	23.721.621.033
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	32.285.361.369	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(32.376.275.833)
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	51.310.083.000	120.638.996.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	38.654.552.176	57.320.663.239
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>118.506.496.442</b>	<b>157.024.466.861</b>


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	48.117.616.323	37.375.039.743
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(49.234.367.523)	(31.657.146.820)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(3.156.701.700)	(2.750.626.833)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(4.273.452.900)</b>	<b>2.967.266.090</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>85.905.189.796</b>	<b>(429.158.355.016)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>525.542.570.371</b>	<b>953.397.259.046</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.122.919.414	1.303.666.341
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>614.570.679.581</b>	<b>525.542.570.371</b>



**Vũ Thị Châm**  
Người lập biểu

Ngày 10 tháng 4 năm 2017

**Lưu Đức Hoàng**  
Kế toán trưởng



**Bùi Tiên Thành**  
Phó Tổng Giám đốc

**Bùi Tiên Thành**  
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PVX.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 07 tháng 9 năm 2015, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.178.733.330.000 VND, chiếm 54,47%, còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 527 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 575).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bến cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.

- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.
- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nổi, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng ngoại trừ một số công trình đặc thù của hoạt động xây lắp có thời gian trên 12 tháng.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ - Tổng Công ty gồm Văn phòng Tổng Công ty và 06 đơn vị phụ thuộc sau:

- Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2,
- Ban điều hành dự án Vũng Áng - Quảng Trạch,
- Ban điều hành các dự án PVC phía Nam,
- Ban điều hành dự án nhà máy sơ xối tổng hợp Polyester,
- Ban điều hành dự án Nhà máy Ethanol Phú Thọ, và
- Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc,

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có 09 công ty con như trình bày tại Thuyết minh số 18 và 12 công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 19.

#### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Giả định hoạt động liên tục**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là khoảng 2.888 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: lỗ lũy kế khoảng 3.026 tỷ VND) và nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 561 tỷ VND. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền và tiếp tục thỏa thuận các khoản vay cần thiết với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng để đảm bảo dòng tiền đáp ứng nhu cầu trả các khoản nợ đến hạn của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục nhận được hỗ trợ từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong năm 2017 và các năm tiếp theo, cũng như sẽ nhận được nguồn thu từ các dự án, công trình lớn như Liên hợp Lộ hóa dầu Nghi Sơn, Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, đảm bảo dòng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn và đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá và quyết định lập báo cáo tài chính riêng năm 2016 của Tổng Công ty trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Báo cáo tài chính riêng này được lập cho công ty và không bao gồm các số liệu báo cáo tài chính của các công ty con và công ty liên kết của công ty. Trong báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có). Tổng Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất trong một báo cáo khác.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## **3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty.



#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### **Các khoản đầu tư tài chính**

###### ***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

###### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Năm nay</b> <b>(Số năm)</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 7

### **Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

**Năm nay**  
**(Số năm)**  
6 - 10

Phương tiện vận tải

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm máy tính là phần mềm phục vụ công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Các phần mềm máy tính được khấu hao theo thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 3 năm theo phương pháp đường thẳng.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

#### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### **Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	1.088.501.990	2.942.182.145
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	490.508.726.583	397.100.388.226
Các khoản tương đương tiền (ii)	122.973.451.008	125.500.000.000
	<b>614.570.679.581</b>	<b>525.542.570.371</b>

- (i) Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm số tiền khoảng 24,2 tỷ VND gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (trước đây là Ngân hàng TMCP Đại Dương - "OceanBank") đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (ii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, bao gồm số tiền khoảng 57,8 tỷ VND gửi tại OceanBank đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ngày 08 tháng 5 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chính thức tiếp quản và chuyển đổi mô hình hoạt động của OceanBank thành Ngân hàng Thương mại TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>a. Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>152.668.065.000</b>	<b>123.481.055.000</b>	<b>201.868.065.000</b>	<b>158.339.452.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	136.068.065.000	109.596.055.000	136.068.065.000	101.654.452.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)	14.600.000.000	13.885.000.000	14.600.000.000	13.885.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương (PVC-TBD)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí (PVL)	-	-	49.200.000.000	42.800.000.000
<b>b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	58.916.059.636	-	55.836.347.768	-

- (i) Thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn 4 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Trần Hưng Đạo, lãi suất 5,5%/năm.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	27.233.107.690	27.233.107.690
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	93.820.679.496	93.745.194.564
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	86.719.910.935	87.423.358.457
Tổ hợp nhà thầu JGCS	79.155.008.218	49.350.205.205
Ban quản lý các Dự án Đường thủy	49.602.076.008	91.500.697.700
Các khoản khác	288.822.340.629	441.396.730.479
	<b>625.353.122.976</b>	<b>790.649.294.095</b>

*Trong đó:*

**Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan  
(Chi tiết tại Thuyết minh số 38)**

**378.022.350.728**

**346.278.263.269**

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	138.560.634.501	238.256.667.098
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.941.703.158	113.089.334.990
FLSmidth Wadgassen	69.202.792.277	174.599.500.950
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	-	16.032.830.809
Các khoản khác	806.873.096.581	570.157.941.889
	<b>1.123.578.226.517</b>	<b>1.112.136.275.736</b>

*Trong đó:*

**Trả trước cho người bán là các bên liên quan  
(Chi tiết tại Thuyết minh số 38)**

**593.170.210.455**

**324.533.720.891**



**9. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (i)	200.000.000.000	124.356.150.003	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) (i)	179.912.859.769	167.153.319.304	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO (i)	101.620.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC Petroland) (i)	60.587.520.000	-	28.835.361.369	28.835.361.369
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC) (i)	22.623.638.889	10.474.032.816	-	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)	10.997.669.735	10.997.669.735	14.447.669.735	14.447.669.735
	<b>575.741.688.393</b>	<b>312.981.171.858</b>	<b>43.283.031.104</b>	<b>43.283.031.104</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	-	-	200.000.000.000	124.356.150.003
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	-	-	179.912.859.769	167.153.319.304
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	-	-	101.620.000.000	5.467.156.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC Petroland)	-	-	60.587.520.000	5.922.385.000
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	-	-	22.623.638.889	1.235.238.889
	-	-	<b>564.744.018.658</b>	<b>304.134.249.196</b>

- (i) Số dư phải thu về cho vay các công ty này thể hiện: a) số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - OceanBank) và Tổng Công ty để thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc chuyển nhượng cổ phần; và b) số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 31 tháng 12 năm 2011 để cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (Khách sạn Lam Kinh) vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh. Theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản vay nói trên đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tổng Công ty đã đánh giá khả năng và giá trị có thể thu hồi của các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay lại này làm cơ sở cho việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang tiếp tục làm việc với các công ty trên để thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay để thanh toán các khoản vay của Oceanbank nêu trên, nhằm tăng cường khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

**10. PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>434.275.248.935</b>	<b>1.051.585.014.870</b>
- Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	105.463.968.095	106.113.162.811
- Ký cược, ký quỹ	70.044.067.535	570.628.281.271
- Phải thu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội (i)	46.233.778.156	46.233.778.156
- Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (ii)	42.328.848.975	91.468.656.510
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	24.579.464.014	46.291.634.955
- Phải thu ngắn hạn khác	145.625.122.160	190.849.501.167
<b>b) Dài hạn</b>	<b>55.393.916.889</b>	<b>55.393.916.889</b>
- Ký cược, ký quỹ	55.393.916.889	55.393.916.889
	<b><u>489.669.165.824</u></b>	<b><u>1.106.978.931.759</u></b>

- (i) Phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Hà Nội thể hiện khoản tiền ngân hàng này khấu trừ từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty tại SHB để thu hồi nợ đến hạn của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Thăng Long. Tổng Công ty đã quyết định tiến hành khởi kiện SHB để đòi lại số tiền đã bị SHB khấu trừ. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, vụ kiện vẫn đang được Tòa án Nhân dân quận Hoàn Kiếm xem xét và xử lý. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến vấn đề này.
- (ii) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thể hiện khoản tiền các ngân hàng đã khấu trừ từ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (xem thêm tại Thuyết minh số 39).

**11. NỢ XẤU**

Thông tin về một số khoản nợ xấu chủ yếu của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Đối tượng	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	206.138.310.290	75.643.849.997	221.227.199.179	90.732.738.886
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	179.912.859.769	12.759.540.465	201.627.102.195	27.804.372.891
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	140.897.486.584	703.859.970	155.457.024.682	18.628.629.266
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	66.697.689.389	-	181.337.477.840	41.572.357.416
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	69.605.577.963	2.124.802.914	69.605.577.963	3.022.782.195
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	63.943.147.786	-	61.611.264.659	23.030.048.513
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	42.328.848.975	-	45.492.182.308	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	37.506.687.346	-	44.672.654.196	1.250.162.580
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	33.038.323.852	-	25.555.543.731	909.670.604
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	30.495.439.099	100.965.000	45.198.043.065	18.383.943.809
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	27.426.673.819	-	27.426.673.819	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC Petroland)	23.430.495.547	1.200.720.338	133.409.071.522	71.964.870.404
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	18.265.262.039	663.532.019	21.715.262.039	1.759.643.754
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	18.000.000.000	-	23.575.990.000	23.575.990.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô)	15.704.792.955	3.242.335.500	16.204.792.955	7.565.449.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	-	-	116.380.911.198	105.354.179.110
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại An Thịnh Phát	-	-	40.000.000.000	12.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	-	-	39.213.925.313	-

**12. HÀNG TỒN KHO**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	1.783.962.582	-	2.293.753.138	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	2.408.566.303.040	-	3.552.336.083.415	-
	<b>2.410.350.265.622</b>	<b>-</b>	<b>3.554.629.836.553</b>	<b>-</b>

- (i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là chi phí các công trình đang trong quá trình xây dựng, chi tiết theo công trình như sau:

	<b>5 số cuối năm</b>	<b>5 số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (ii)	2.098.457.348.542	3.188.588.452.314
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (ii)	249.677.610.271	250.567.444.291
Các công trình khác	60.431.344.227	113.180.186.810
	<b>2.408.566.303.040</b>	<b>3.552.336.083.415</b>

- (ii) Như trình bày tại Thuyết minh số 40, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của các dự án này. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>5 số cuối năm</b>	<b>5 số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	643.471.158	1.113.527.682
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	533.838.763
	<b>643.471.158</b>	<b>1.647.366.445</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí trả trước về thuê văn phòng	53.466.431.043	66.668.132.396
Chi phí dài hạn khác	1.429.591.954	4.759.331.937
	<b>54.896.022.997</b>	<b>71.427.464.333</b>

**14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	32.194.358.803	6.570.787.981	32.029.396.366	14.005.659.600	84.800.202.750
Mua sắm mới	-	165.000.000	-	502.906.545	667.906.545
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.030.699.663)	-	(1.030.699.663)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>32.194.358.803</b>	<b>6.735.787.981</b>	<b>30.998.696.703</b>	<b>14.508.566.145</b>	<b>84.437.409.632</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	10.710.017.077	2.707.000.490	21.562.192.800	13.729.039.168	48.708.249.535
Trích khấu hao trong năm	2.619.142.020	1.160.325.606	3.436.588.607	379.179.182	7.595.235.415
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.030.699.663)	-	(1.030.699.663)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>13.329.159.097</b>	<b>3.867.326.096</b>	<b>23.968.081.744</b>	<b>14.108.218.350</b>	<b>55.272.785.287</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	21.484.341.726	3.863.787.491	10.467.203.566	276.620.432	36.091.953.215
Tại ngày cuối năm	18.865.199.706	2.868.461.885	7.030.614.959	400.347.795	29.164.624.345

Nguyên giá các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 30.019.313.119 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 27.755.299.327 VND).

**15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Phương tiện vận tải VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu năm	18.676.108.182
Số dư cuối năm	18.676.108.182
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu năm	5.365.263.084
Trích khấu hao trong năm	2.626.113.108
Số dư cuối năm	7.991.376.192
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu năm	13.310.845.098
Tại ngày cuối năm	10.684.731.990

**16. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu năm	4.652.380.340
Số dư cuối năm	4.652.380.340
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu năm	4.616.377.185
Trích khấu hao trong năm	36.003.155
Số dư cuối năm	4.652.380.340
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu năm	36.003.155
Tại ngày cuối năm	-

**17. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>				
Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1	26.634.279.956	13.317.139.978	27.859.273.633	14.016.684.459
Dự án nhà máy Xơ sợi Polyester	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	13.480.083.636	2.100.000.000	13.780.083.636	-
Các công trình khác	11.436.734.433	1.618.216.162	11.436.734.433	1.618.216.162
	<b>77.310.423.237</b>	<b>26.197.663.020</b>	<b>78.835.416.914</b>	<b>24.797.207.501</b>

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (i)	127.973.080.823	127.302.717.186
Công trình khu đô thị Đại học Dầu khí	3.883.984.985	3.883.984.985
Các công trình khác	2.692.726.248	2.549.103.985
	<b>134.549.792.056</b>	<b>133.735.806.156</b>

- (i) Thể hiện chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang ("Dự án") do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng Thành viên PVN ("Quyết định 7089/QĐ-DKVN"). Ngày 08 tháng 01 năm 2014, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 01/QĐ-BQL quyết định chấm dứt hoạt động Dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đã cấp cho Tổng Công ty thực hiện Dự án. Ngày 09 tháng 01 năm 2014, PVN đã ban hành Quyết định số 238/QĐ-DKVN về việc dừng thực hiện Quyết định số 7089/QĐ-DKVN, theo đó PVN chấp thuận nguyên tắc thanh toán cho Tổng Công ty các chi phí Tổng Công ty đã thực hiện đầu tư vào dự án kể từ thời điểm PVN ký biên bản bàn giao đến thời điểm có quyết định dừng chuyển nhượng dự án. Đồng thời, ngày 20 tháng 01 năm 2014, PVN ban hành Công văn số 470/DKVN-TCKT gửi UBND tỉnh Tiền Giang đề nghị UBND tỉnh Tiền Giang chỉ đạo Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang không thực hiện Quyết định số 01/QĐ-BQL ngày 08 tháng 01 năm 2014 và đề nghị UBND tỉnh Tiền Giang xem xét thống nhất chủ trương để PVN nhận lại Dự án từ Tổng Công ty.

Ngày 27 tháng 02 năm 2014, UBND tỉnh Tiền Giang ban hành Thông báo số 32/TB-UBND, thống nhất chủ trương cho lùi thời hạn có hiệu lực của Quyết định số 01/QĐ-BQL ngày 08 tháng 01 năm 2014. Ngày 15 tháng 01 năm 2016, Văn phòng Chính phủ ban hành Công văn số 399/VPCP-KTN yêu cầu PVN khẩn trương thực hiện chuyển giao Dự án, giải quyết dứt điểm nghĩa vụ tài chính liên quan đến Tổng Công ty trước khi chuyển giao Dự án cho UBND tỉnh Tiền Giang. Ngày 22 tháng 8 năm 2016, Bộ Tài chính có Văn bản số 11704/BTC-TCĐN gửi UBND tỉnh Tiền Giang và PVN để hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao Dự án trên. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, quá trình chuyển giao Dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra để thực hiện Dự án. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến các sự kiện trên.

**18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp cuối năm VND	Giá trị vốn góp đầu năm VND	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC-Petroland) (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	367.502.605.998	367.502.605.998	36%	36%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	Thái Bình	325.000.000.000	325.000.000.000	72%	72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
3	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Bà Rịa - Vũng Tàu	286.227.385.833	286.227.385.833	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land)	Thành phố Hồ Chí Minh	203.793.940.000	203.793.940.000	76%	76%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
5	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn)	Quảng Ngãi	200.000.000.000	200.000.000.000	47%	53%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng
6	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô) (*)	Hà Nội	195.150.582.565	195.150.582.565	35%	35%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
7	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	Cà Mau	153.532.000.000	153.532.000.000	53%	53%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
8	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Bà Rịa - Vũng Tàu	153.000.000.000	153.000.000.000	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
9	Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	Bà Rịa - Vũng Tàu	102.000.000.000	102.000.000.000	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
			<b>1.986.206.514.396</b>	<b>1.986.206.514.396</b>			

(\*) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn 50% tại PVC-Petroland và PVC-Đông Đô nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát các công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động; giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính.

Theo Nghị quyết số 2627/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) về việc tạm phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu PVC giai đoạn 2016-2020, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2016 - 2020 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc (sẽ được thành lập trên cơ sở sắp xếp, thu gọn đầu mối tại 04 đơn vị thành viên nòng cốt: Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô), Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình), Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC), Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS). Cũng theo Nghị quyết trên, Tổng Công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2017 - 2020. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện Nghị quyết nêu trên.

**19. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp cuối năm VND	Giá trị vốn góp đầu năm VND	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	Hà Nội	200.000.000.000	200.000.000.000	40%	40%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
2	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	Hà Nội	107.500.000.000	107.500.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	Thành phố Hồ Chí Minh	83.271.467.055	83.848.907.055	25%	25%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải)	Hải Phòng	77.400.000.000	63.900.000.000	42%	35%	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	Thanh Hóa	75.600.000.000	75.600.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
6	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	Đà Nẵng	72.400.000.000	73.500.000.000	48%	48%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
7	Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Thanh Hóa	57.000.000.000	57.000.000.000	30%	30%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
8	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	Nghệ An	54.395.000.000	55.000.000.000	23%	23%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sóng Đà (PVSD)	Hà Nội	30.000.000.000	30.000.000.000	27%	27%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp
10	Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000	50%	50%	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng
11	Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	3.740.000.000	3.740.000.000	44%	44%	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình
12	Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link) (*)	Hà Nội	3.500.000.000	3.500.000.000	97%	35%	Truyền thông và thương mại
			<b>784.806.467.055</b>	<b>773.588.907.055</b>			

(\*) Mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Petro-link tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 97% nhưng tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 35% đồng thời Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định Petro-link là công ty liên kết và trình bày khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết.



**20. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

STT	Tên các công ty nhận góp vốn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		VND	Tỷ lệ phần sở hữu %	VND	Tỷ lệ phần sở hữu %
1	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	15%	147.300.000.000	15%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (PVIN)	48.700.000.000	15%	48.700.000.000	15%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC-KBC)	23.500.000.000	16%	23.500.000.000	16%
4	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (Petrowaco)	16.764.968.199	15%	16.764.968.199	15%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	12.500.000.000	5%	12.500.000.000	5%
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	-	0%	10.200.000.000	13%
7	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	3.000.000.000	4%	3.000.000.000	4%
8	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2 (PVC2)	2.795.000.000	5%	2.795.000.000	5%
9	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (PVC4)	2.500.000.000	10%	2.500.000.000	10%
		<b>257.059.968.199</b>		<b>267.259.968.199</b>	

**21. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Thông tin chi tiết về các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>a) Đầu tư vào công ty con</b>	<b>1.986.206.514.396</b>	<b>602.461.241.952</b>	<b>1.986.206.514.396</b>	<b>638.055.178.813</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC Petroland)	367.502.605.998	46.186.477.927	367.502.605.998	49.636.085.138
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	325.000.000.000	106.705.788.313	325.000.000.000	126.411.528.215
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	286.227.385.833	-	286.227.385.833	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land) (*)	203.793.940.000	156.956.765.894	203.793.940.000	158.799.344.132
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn)	200.000.000.000	25.423.072.183	200.000.000.000	21.123.099.284
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô (PVC-Đồng Đô)	195.150.582.565	52.420.306.717	195.150.582.565	51.686.340.327
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	153.532.000.000	153.532.000.000	153.532.000.000	153.392.731.844
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dẫn dụng Dầu khí (PVC-IC)	153.000.000.000	-	153.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	102.000.000.000	61.236.830.918	102.000.000.000	77.006.049.873

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>b) Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>784.806.467.055</b>	<b>675.461.092.380</b>	<b>773.588.907.055</b>	<b>660.726.153.839</b>
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	107.500.000.000	107.500.000.000	107.500.000.000	107.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	83.271.467.055	83.271.467.054	83.848.907.055	83.848.907.055
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải)	77.400.000.000	27.994.047.969	63.900.000.000	10.975.648.189
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	75.600.000.000	75.600.000.000	75.600.000.000	75.600.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	72.400.000.000	72.400.000.000	73.500.000.000	73.500.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	57.000.000.000	40.125.206.343	57.000.000.000	35.441.502.586
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	54.395.000.000	45.311.407.054	55.000.000.000	52.251.499.655
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	20.000.000.000	18.026.951.968	20.000.000.000	16.081.452.780
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	3.740.000.000	3.740.000.000	3.740.000.000	3.740.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link)	3.500.000.000	1.492.011.992	3.500.000.000	1.787.143.574
<b>c) Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>257.059.968.199</b>	<b>163.280.514.262</b>	<b>267.259.968.199</b>	<b>173.892.509.411</b>
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	147.300.000.000	147.300.000.000	147.300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (PVIN)	48.700.000.000	1.797.007.726	48.700.000.000	1.458.118.508
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC-KBC)	23.500.000.000	11.196.028.936	23.500.000.000	11.946.913.304
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (Petrowaco)	16.764.968.199	-	16.764.968.199	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO (**)	12.500.000.000	2.987.477.600	12.500.000.000	2.987.477.599
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn (**)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2 (PVC2) (**)	2.795.000.000	-	2.795.000.000	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (PVC4) (**)	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	-	-	10.200.000.000	10.200.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.028.072.949.650</b>	<b>1.441.202.848.594</b>	<b>3.027.055.389.650</b>	<b>1.472.673.842.063</b>

(\*) Tổng Công ty trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land) với số tiền khoảng 157 tỷ VND dựa trên thông tin báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được kiểm toán của PVC-Land được lập trên giả định hoạt động liên tục.

Theo báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của PVC-Land cung cấp, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 314,8 tỷ VND; lỗ lũy kế của PVC-Land là khoảng 194,4 tỷ VND; một số khách hàng mua căn hộ tại Dự án chung cư Petrovietnam Landmark do PVC-Land làm chủ đầu tư đã tiến hành khởi kiện PVC-Land vì chậm bàn giao căn hộ. Ngày 24 tháng 02 năm 2017, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 52/2017/QĐ-MTTPS quyết định mở thủ tục phá sản đối với PVC-Land. Ngày 30 tháng 3 năm 2017, Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 04/2017/QĐPT-MTTPS quyết định hủy Quyết định số 52/2017/QĐ-MTTPS. Các dấu hiệu trên cho thấy giả định PVC-Land hoạt động liên tục có phù hợp hay không phụ thuộc vào khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của PVC-Land. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị của khoản đầu tư vào PVC-Land từ vấn đề nêu trên. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến sự kiện trên.

(\*\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có các khoản đầu tư vào các công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2, Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4, với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng của các khoản đầu tư lần lượt là khoảng 20,8 tỷ VND và khoảng 3 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của các công ty này. Do đó, Tổng Công ty chưa thực hiện đánh giá sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư nêu trên. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

## **22. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Công ty Công nghiệp Daelim	1.322.246.297.672	1.322.246.297.672	1.926.217.551.948	1.926.217.551.948
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.062.581.917	177.062.581.917	177.062.581.917	177.062.581.917
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	211.433.784.998	211.433.784.998	104.261.899.153	104.261.899.153
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	462.201.428.023	462.201.428.023	-	-
Tập đoàn Sojitz	142.087.160.592	142.087.160.592	132.816.313.904	132.816.313.904
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	109.460.995.366	109.460.995.366	102.421.562.484	102.421.562.484
Các đối tượng khác	743.934.456.643	743.934.456.643	774.514.102.872	774.514.102.872
	<b>3.168.426.705.211</b>	<b>3.168.426.705.211</b>	<b>3.217.294.012.278</b>	<b>3.217.294.012.278</b>
<i>Trong đó:</i>				
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 38)</b>	<b>756.015.115.843</b>		<b>601.436.216.972</b>	

**23. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	410.874.564.689	410.874.564.689	63.245.144.302	63.245.144.302
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	82.778.475.899	82.778.475.899	82.778.475.899
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	90.762.332.303	90.762.332.303	2.225.124.854.959	2.225.124.854.959
Các đối tượng khác	75.327.690.222	75.327.690.222	43.832.528.590	43.832.528.590
	<b>659.743.063.113</b>	<b>659.743.063.113</b>	<b>2.414.981.003.750</b>	<b>2.414.981.003.750</b>
<i>Trong đó:</i>				
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 38)		<b>191.999.244.226</b>	<b>2.329.869.034.451</b>	

**24. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chi tiêu	Phát sinh trong năm			
	Số đầu năm VND	Số phải thu/ phải nộp VND	Số đã thu/đã nộp/bù trừ VND	Số cuối năm VND
<b>a) Các khoản phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	1.030.909	-	1.030.909
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	397.430	-	397.430
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.256.556.285	-	-	21.256.556.285
Thuế xuất nhập khẩu	-	19.254.703	-	19.254.703
Các loại thuế khác	783.720	3.304.488	-	4.088.208
	<b>21.257.340.005</b>	<b>23.987.530</b>	<b>-</b>	<b>21.281.327.535</b>
<b>b) Các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	74.434.217	74.546.728.554	74.443.816.774	177.345.997
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	430.516.042.770	430.516.042.770	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	70.791.828.123	70.791.828.123	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.206.394.536	3.791.439.304	4.182.502.055	1.815.331.785
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	177.575.538	177.575.538	-
Thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài	-	17.299.019.441	17.299.019.441	-
Thuế môn bài	-	51.755.522	51.755.522	-
Các loại thuế khác	-	1.087.635.062	1.087.635.062	-
	<b>2.280.828.753</b>	<b>598.262.024.314</b>	<b>598.550.175.285</b>	<b>1.992.677.782</b>

**25. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>318.392.344.388</b>	<b>372.826.343.740</b>
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	314.102.496.644	368.248.077.175
Chi phí phải trả khác	4.289.847.744	4.578.266.565
<b>b) Dài hạn</b>	<b>72.178.785.046</b>	<b>73.220.620.500</b>
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	72.178.785.046	73.220.620.500
	<b><u>390.571.129.434</u></b>	<b><u>446.046.964.240</u></b>

**26. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	137.942.779.491	237.855.091.994
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) (i)	95.877.090.099	86.167.577.950
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (ii)	54.098.464.510	54.038.464.510
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn-Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long (iii)	5.533.782.157	5.533.782.157
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	37.798.346.074	43.831.216.233
	<b><u>331.250.462.331</u></b>	<b><u>427.426.132.844</u></b>

(i) Khoản phải trả OceanBank thể hiện số lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và lãi vay mà Tổng Công ty sẽ phải thu lại của các công ty Tổng Công ty đã thanh toán hộ hoặc cho vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (trình bày tại Thuyết minh số 9) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 28.

(ii) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chủ yếu bao gồm khoảng 42,2 tỷ VND là số tiền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.

(iii) Phản ánh lãi vay dự trả đối với khoản vay tại SHB - Chi nhánh Thăng Long.

**27. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả năng	
	Giá trị VND	trả nợ VND			Giá trị VND	trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>62.690.493.515</b>	<b>62.690.493.515</b>	<b>48.117.616.323</b>	<b>49.234.367.523</b>	<b>61.573.742.315</b>	<b>61.573.742.315</b>
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long (i)	40.700.000.000	40.700.000.000	-	-	40.700.000.000	40.700.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (ii)	21.990.493.515	21.990.493.515	48.117.616.323	49.234.367.523	20.873.742.315	20.873.742.315
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 28)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>955.033.981.983</b>	<b>-</b>	<b>955.033.981.983</b>	<b>955.033.981.983</b>
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	-	-	955.033.981.983	-	955.033.981.983	955.033.981.983
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 28)</b>	<b>3.156.701.700</b>	<b>3.156.701.700</b>	<b>3.156.701.700</b>	<b>3.156.701.700</b>	<b>3.156.701.700</b>	<b>3.156.701.700</b>
- Công ty cho thuê Tài chính Vietcombank	3.156.701.700	3.156.701.700	3.156.701.700	3.156.701.700	3.156.701.700	3.156.701.700
	<b>65.847.195.215</b>	<b>65.847.195.215</b>	<b>1.006.308.300.006</b>	<b>52.391.069.223</b>	<b>1.019.764.425.998</b>	<b>1.019.764.425.998</b>

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng số SHBTL38042011 ngày 25 tháng 4 năm 2011 giữa SHB - Chi nhánh Thăng Long với Tổng Công ty. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Các khoản vay này được giải ngân theo các kế ước nhận nợ, có thời hạn vay mỗi lần nhận nợ không quá 6 tháng, lãi suất vay được xác định tại thời điểm nhận nợ vay và điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là 17%/năm và 17,5%/năm, các khoản vay này đã quá hạn từ tháng 10 năm 2012 và chịu lãi suất bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn.

Như trình bày tại Thuyết minh số 10, ngày 06 tháng 4 năm 2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) thực hiện khấu trừ số tiền 46.233.778.156 VND từ tài khoản tiền gửi 50 tỷ VND của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tiền gửi số 28022013/HDTG/SHB-PVC ngày 28 tháng 8 năm 2012 giữa Tổng Công ty và SHB - Chi nhánh Hà Nội để thu hồi khoản vay đã quá hạn nêu trên của Tổng Công ty (trong đó dư nợ gốc là 40.700.000.000 VND, lãi quá hạn và phí phạt quá hạn là 5.533.778.156 VND). Tổng Công ty đã quyết định tiến hành khởi kiện SHB để đòi lại số tiền đã bị SHB khấu trừ. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, vụ kiện vẫn đang được Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm xem xét và xử lý. Do đó, Tổng Công ty chưa giảm số dư nợ vay và lãi vay dự trả đối với khoản vay tại SHB - Chi nhánh Thăng Long với số tiền hạch toán lần lượt là 40.700.000.000 VND và 5.533.778.156 VND (trình bày tại Thuyết minh số 26). Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến vấn đề này.

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng Tín dụng hạn mức số 01/2016/2084729/HĐTD ngày 27 tháng 9 năm 2016 giữa BIDV - Chi nhánh Hà Tây với Tổng Công ty. Hạn mức của hợp đồng vay này là 1.400 tỷ VND bao gồm dư nợ, dư bảo lãnh và dư mở L/C gồm cả VND, ngoại tệ quy đổi, trong đó hạn mức cho vay ngắn hạn là 200 tỷ VND, hạn mức bảo lãnh thông thường là 1.200 tỷ VND (số dư bảo lãnh có thể tăng lên tối đa 1.400 tỷ VND khi không sử dụng hết hạn mức cho vay, tuy nhiên tổng dư bảo lãnh và dư nợ tại mọi thời điểm không vượt quá 1.400 tỷ VND). Tài sản đảm bảo được hai bên thống nhất theo từng kế ước vay. Lãi suất khoản vay được xác định tại thời điểm nhận nợ vay. Mục đích khoản vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2017.

**28. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Chi tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
		VND				VND
<b>Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (i)	955.033.981.983	955.033.981.983	-	-	955.033.981.983	955.033.981.983
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn</b>						
- Công ty cho thuê Tài chính Vietcombank	8.785.984.903	8.785.984.903	-	3.156.701.700	5.629.283.203	5.629.283.203
	<b>963.819.966.886</b>	<b>963.819.966.886</b>	<b>-</b>	<b>3.156.701.700</b>	<b>960.663.265.186</b>	<b>960.663.265.186</b>
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	3.156.701.700				958.190.683.683	
Số phải trả sau 12 tháng	960.663.265.186				2.472.581.503	

(i) Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) theo các Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, số 602/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 và số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa OceanBank và Tổng Công ty từ nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời hạn thanh toán của các hợp đồng tín dụng nói trên được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất áp dụng cho các khoản vay là 2,4%/năm kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và lãi suất 1% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	955.033.981.983	-
Trong năm thứ hai	-	955.033.981.983
	<b>955.033.981.983</b>	<b>955.033.981.983</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	955.033.981.983	-
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>-</b>	<b>955.033.981.983</b>

Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	3.156.701.700	3.156.701.700
Trong năm thứ hai	1.903.784.708	4.409.598.708
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	568.796.795	1.219.684.495
	<b>5.629.283.203</b>	<b>8.785.984.903</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	3.156.701.700	3.156.701.700
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>2.472.581.503</b>	<b>5.629.283.203</b>

**29. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của	Cổ phiếu quỹ	Quý đầu tư	Quý khác thuộc	(Lỗ) lũy kế	Công
	chủ sở hữu		phát triển	vốn chủ sở hữu		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.162.943.749.287)	914.513.533.447
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	136.678.608.688	136.678.608.688
Số dư đầu năm nay	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.026.265.140.599)	1.051.192.142.135
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	138.759.328.970	138.759.328.970
Số dư cuối năm nay	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(2.887.505.811.629)	1.189.951.471.105

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 07 tháng 9 năm 2015, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp tại ngày			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47	2.178.733.330.000	54,47
Các cổ đông khác	1.821.266.670.000	45,53	1.821.266.670.000	45,53
	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>100</b>

**Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số liệu cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	400.000.000	400.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số liệu cổ phiếu quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	2.971	2.971
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số liệu cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	399.997.029	399.997.029
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

**30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngoại tệ các loại</b>			
Đô la Mỹ	USD	10.247.778	26.543.260
<b>Nợ khó đòi đã xử lý</b>	<b>VND</b>	<b>9.716.217.233</b>	<b>9.716.217.233</b>



**31. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu hoạt động xây lắp	7.025.153.894.935	8.886.788.441.782
Doanh thu bán hàng	4.246.495.784	26.223.270.979
Kinh doanh nhà và hạ tầng	-	21.565.110.030
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.004.531.086	15.509.199.512
	<b>7.045.404.921.805</b>	<b>8.950.086.022.303</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Giảm giá hàng bán	-	(216.946.739)
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>7.045.404.921.805</b>	<b>8.949.869.075.564</b>

**32. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	6.969.974.332.236	8.610.710.308.423
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.137.719.299	27.556.542.861
Kinh doanh nhà và hạ tầng	-	21.339.846.393
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.247.266.231	14.327.358.517
	<b>6.989.359.317.766</b>	<b>8.673.934.056.194</b>

**33. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lãi tiền gửi	12.741.001.306	9.453.286.435
Lãi chuyển nhượng cổ phần	-	800.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.551.214.900	50.328.929.300
Lãi chênh lệch tỷ giá	31.805.052.937	63.628.713.269
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	24.239.042
	<b>51.097.269.143</b>	<b>124.235.168.046</b>

**34. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí lãi vay	6.681.156.015	6.399.836.136
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(66.329.390.469)	2.211.749.237
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	36.558.440.000	26.476.292.800
Lỗ chênh lệch tỷ giá	63.363.209.983	30.750.056.169
(Hoàn nhập) thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	(99.912.312.503)	(175.100.109.426)
Chi phí tài chính khác	1.641.470.143	2.020.044.310
	<b>(57.997.426.831)</b>	<b>(107.242.130.774)</b>

- (1) Như trình bày tại Thuyết minh số 39, trong năm 2016, Tổng Công ty đã thực hiện rà soát các thư bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng và đánh giá 01 thư bảo lãnh đã có sự thay đổi nghĩa vụ bảo lãnh. Theo đó, Tổng Công ty thực hiện hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của thư bảo lãnh này với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND.

**35. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lương	113.366.547.968	105.814.868.988
Chi phí vật liệu quản lý	1.635.759.228	1.531.676.692
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.631.698.235	1.875.074.647
Chi phí khấu hao	3.727.199.080	5.137.282.186
Thuế, phí, lệ phí	1.580.568.004	925.376.571
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.002.224.853	23.724.763.782
Chi phí dự phòng	(143.790.485.109)	223.300.177.815
Chi phí khác bằng tiền	23.770.223.515	27.220.765.512
	<b>27.923.735.774</b>	<b>389.529.986.193</b>

**36. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.182.642.769.437	8.644.755.049.248
Chi phí nhân công	152.547.601.769	158.389.574.019
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.257.351.678	10.017.136.117
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.673.260.082.593	1.192.597.950.667
Chi phí dự phòng	(143.265.035.913)	222.120.716.601
Chi phí khác bằng tiền	23.770.223.515	27.220.765.512
	<b>5.899.212.993.079</b>	<b>10.255.101.192.164</b>

**37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	137.072.178.711	135.513.155.064
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ:	(106.463.527.403)	(242.966.435.664)
- Hoàn nhập tiền phạt dự án 69 Nguyễn Du	-	(17.537.396.938)
- Hoàn nhập dự phòng bảo lãnh	(99.912.312.503)	(175.100.109.426)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(6.551.214.900)	(50.328.929.300)
Cộng:	6.501.910.357	7.651.648.084
- Thu nhập không chịu thuế năm trước chuyển sang	5.827.268.119	5.827.268.112
- Chi phí không được khấu trừ	674.642.238	1.824.379.972
Thu nhập chịu thuế	37.110.561.665	(99.801.632.516)
Lỗi mang sang	(37.110.561.665)	-
Tổng thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu các năm trước	177.575.538	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<b>177.575.538</b>	-

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	Công ty mẹ
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Viện Dầu khí Việt Nam	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (EIC)	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Dầu khí (PVE)	Cùng chủ sở hữu
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCComBank)	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	Công ty con
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	Công ty con
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô (PVC-Đồng Đô)	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC Petroland)	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn)	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá (PVC-TH)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải)	Công ty liên kết

**Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu</b>	<b>6.508.472.779.219</b>	<b>8.206.177.814.114</b>
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	6.409.235.686.404	7.619.122.533.980
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Xử lý khí Cà Mau	75.755.395.762	199.638.097.298
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	10.991.352.072	110.218.799.603
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	3.525.560.935	6.494.287.934
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá	2.368.259.909	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	1.572.848.682	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	1.265.465.913	21.075.009.068
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	1.249.003.036	748.708.738
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	1.136.415.633	1.361.482.244
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà	547.256.937	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	150.655.415	1.581.266.615
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	135.505.259	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	39.373.262	-
Viện Dầu khí Việt Nam	-	167.977.495.051
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	-	2.659.468.397
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	-	73.863.452.375
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	1.437.212.811
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Mua hàng</b>	<b>737.507.731.120</b>	<b>625.162.804.789</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	243.065.757.313	492.010.475.889
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	237.615.242.591	155.214.020.622
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà	217.409.667.466	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	140.407.471.940	271.750.817.931
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Bình Sơn	37.835.349.720	58.353.732.080
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	28.150.695.930	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	22.081.171.545	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	17.296.293.173	45.663.186.508
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	11.627.868.681	3.271.333.906
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	10.535.398.881	88.886.222.473
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	8.369.819.809	-
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	4.642.146.377	1.722.891.207
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	1.536.605.007	-
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam	-	300.600.062
<b>Cố tức được nhận trong năm</b>	<b>9.776.214.900</b>	<b>50.328.929.300</b>
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	9.175.359.900	33.133.244.300
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	-	15.300.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản dầu khí	600.855.000	395.685.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà	-	1.500.000.000
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b>	<b>6.757.245.558</b>	<b>7.322.505.000</b>

**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>378.022.350.728</b>	<b>346.278.263.269</b>
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	27.233.107.690	27.233.107.690
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	93.820.679.496	93.745.194.564
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	86.719.910.935	87.423.358.457
Viện Dầu khí Việt Nam	49.835.403.218	-
Ban Quản lý Dự án Cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau	30.293.284.236	987.236
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn	26.804.068.806	29.874.704.215
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	22.954.922.130	22.953.353.130
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	9.446.793.928	9.446.793.928
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	7.465.459.814	6.993.959.814
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	6.097.621.800	6.097.621.800
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	5.546.942.139	5.546.942.139
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	3.698.220.476	3.698.220.476
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	2.437.493.928	14.604.529.042
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	2.000.000.002	2.000.000.002
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	1.004.933.419	1.502.275.671
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	1.433.134.455	12.375.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	1.086.216.356	5.100.960.838
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	71.500.000	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	70.349.400	1.070.333.328
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	2.308.500	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	-	88.473.000
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Xử lý khí Cà Mau	-	28.885.072.939
<b>Phải thu khác</b>	<b>176.164.804.399</b>	<b>240.703.297.853</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	43.423.560.320	42.451.575.400
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	29.477.803.237	43.986.190.153
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	23.260.532.513	21.227.199.179
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	20.507.270.308	23.972.151.850
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	16.873.946.500	21.714.242.426
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	15.704.792.955	16.204.792.955
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	7.823.660.838	41.548.634.340
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	6.840.056.555	6.840.056.555
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	5.360.238.712	5.360.238.712
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.008.154.052	2.008.154.052
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	1.946.331.244	1.828.999.031
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	788.233.543	-
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	486.494.897	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	51.585.369	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	11.034.559	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	13.500.000.000
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	61.063.200

	<b>Số cuối năm</b> <b>VND</b>	<b>Số đầu năm</b> <b>VND</b>
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>593.170.210.455</b>	<b>324.533.720.891</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.941.703.158	113.089.334.990
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà	95.918.815.239	3.485.390.491
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	88.776.819.553	88.393.173.633
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	80.870.842.350	4.373.377.519
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Bình Sơn	58.650.060.129	11.111.827.917
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	46.512.305.400	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	37.133.989.664	37.298.173.399
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	29.334.757.349	43.274.545.062
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	17.338.948.678	1.024.943.400
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	13.597.949.330	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	11.263.563.283	13.430.927.135
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	2.700.000.000	2.700.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	1.900.781.522	3.210.851.474
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	229.674.800	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	-	947.175.792
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	-	194.000.078
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>191.999.244.226</b>	<b>2.329.869.034.451</b>
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	82.778.475.899
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	7.918.751.144	7.918.751.144
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	5.456.975.849	5.456.975.849
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	4.795.814.624	4.795.814.624
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	169.639.222	169.639.222
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn	117.255.185	2.797.950.955
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	90.762.332.303	2.225.124.854.959
Viện Dầu khí Việt Nam	-	826.571.799
<b>Các khoản cho vay ngắn hạn</b>	<b>463.124.018.658</b>	<b>28.835.361.369</b>
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	200.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	179.912.859.769	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	60.587.520.000	28.835.361.369
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	22.623.638.889	-
<b>Các khoản cho vay dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>463.124.018.658</b>
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	-	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	-	179.912.859.769
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	-	60.587.520.000

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
<b>Phải trả người bán</b>	<b>756.015.115.843</b>	<b>601.436.216.972</b>
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	211.433.784.998	104.261.899.153
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.062.581.917	177.062.581.917
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	109.460.995.366	102.421.562.484
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà	94.436.777.545	68.835.238.630
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	56.974.777.229	57.052.777.229
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	36.442.441.009	2.510.406.030
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	19.031.307.373	16.467.763.295
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	14.926.735.258	17.421.403.045
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	10.012.853.448	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	7.971.493.776	21.838.639.716
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Bình Sơn	7.263.312.671	20.856.195.934
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	5.651.621.072	3.392.727.861
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	4.223.800.294	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	935.326.068	4.896.025.676
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	187.307.819	1.713.136.364
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	-	718.508.036
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên Hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn	-	1.987.351.601
<b>Phải trả khác</b>	<b>59.177.617.470</b>	<b>59.368.633.962</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	54.038.464.510	54.038.464.510
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	3.006.898.799	3.006.898.799
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	1.540.991.936	2.323.270.653
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	556.667.784	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	20.283.417	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	12.226.800	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	2.084.224	-

### **39. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

#### **a) Bảo lãnh cho các khoản vay**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức nhân bảo lãnh	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh	Dư nợ vay quá hạn	Dư phòng nghĩa vụ
			cuối năm	cuối năm	nợ phải trả cuối năm
			VND	VND	VND
<b>PVC-HN</b>	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/4/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
<b>PVC-ME</b>	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
<b>PVC-ME</b>	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/7/2011 đến ngày 26/7/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
<b>PVC-SG (*)</b>	Ngân hàng TNHH MTV Đại dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/8/2012	99.912.312.503	99.912.312.503	-
			<b>237.855.091.994</b>	<b>237.855.091.994</b>	<b>137.942.779.491</b>

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản vay do Tổng Công ty bảo lãnh đã đến hạn và quá hạn tính theo thời hạn thư bảo lãnh là khoảng 238 tỷ VND.

Lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, (i) các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND, (ii) các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho Tổng Công ty khoảng 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên. Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là khoảng 42 tỷ VND (trình bày tại Thuyết minh số 10).

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 ký ngày 10 tháng 3 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 2015.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các công ty được bảo lãnh đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ. Tổng Công ty cũng đang tiếp tục làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

**(\*) Nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn**

Trong năm 2016, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thư bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (Oceanbank) - Chi nhánh Sài Gòn) có sự thay đổi với các lý do cụ thể như sau:

- Ngày 18 tháng 8 năm 2016, PVC-SG gửi Công văn số 58/XLDKSG gửi Tổng Công ty báo cáo một số nội dung liên quan đến tài sản đảm bảo cho khoản vay ủy thác và tình hình làm việc với Oceanbank. Theo đó, ngày 10 tháng 8 năm 2016, Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đã gửi cho PVC-SG công văn số 784/2016/CV-CNSG trả lời phương án xử lý nợ của PVC-SG. Tại công văn này, Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đã chấp thuận cho PVC-SG thực hiện phương án đấu tư kinh doanh Dự án Khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2 và 3, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Dự án Vị Thanh) cũng như giải chấp từng phần tài sản đảm bảo để PVC-SG bán hàng/bán tài sản để tạo nguồn trả nợ cho Oceanbank và PVC-SG trả toàn bộ dư nợ gốc (khoảng 148 tỷ VND) chậm nhất ngày 30 tháng 9 năm 2019. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá điều này đồng nghĩa với việc dư nợ gốc vay đã được cơ cấu lại và gia hạn trả nợ. Điều kiện để thực hiện phương án trả nợ là: (i) PVC-SG cung cấp đầy đủ các văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phê duyệt phương án tiếp tục triển khai Dự án Vị Thanh để trả nợ cho Oceanbank; (ii) đơn vị thi công và đơn vị bán hàng mở tài khoản thanh toán tại Oceanbank; (iii) toàn bộ doanh thu bán hàng, bán tài sản phải chuyển về tài khoản chuyên dụng mở tại Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn, PVC-SG đồng ý cho Oceanbank được quyền trích tiền từ tài khoản chuyên dụng để thu nợ; (iv) PVC-SG ký văn bản thỏa thuận về phương thức xử lý tài sản đảm bảo theo yêu cầu của Oceanbank. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, PVC-SG đã trả được 5,5 tỷ VND/148 tỷ VND nợ gốc; đồng thời PVC-SG thực hiện rất tốt phương án mà Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đưa ra. Mặt khác, PVC-SG và Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đang hợp tác rất chặt chẽ với nhau để tạo dòng tiền trả nợ cho ngân hàng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá đây là thông tin mới và rất quan trọng, thể hiện sự cố gắng của các bên trong quá trình giải quyết khoản nợ vay này.



- PVC-SG cũng đã có tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay tại Oceanbank – Chi nhánh Sài Gòn là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là một phần tài sản hình thành trong tương lai tại Dự án Vị Thanh theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0068/HĐTC/OCEANBANK03 ngày 30 tháng 8 năm 2012 ký giữa PVC-SG và Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn.

- Tổng Công ty đã nhận được Thư tư vấn số 549 lw.ndv/ntn/01-01 ngày 30 tháng 8 năm 2016 của Công ty Tư vấn Luật Bizconsult với kết luận như sau: (i) nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty theo thư bảo lãnh và thư gia hạn bảo lãnh cho PVC-SG đã chấm dứt hiệu lực kể từ sau ngày 30 tháng 8 năm 2012; (ii) không có đủ cơ sở pháp lý để yêu cầu Tổng Công ty thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo văn bản yêu cầu ngày 24 tháng 5 năm 2012 của Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn và đã hết thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tổng Công ty thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo thư gia hạn bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá thông tin này cùng với việc khoản vay của PVC-SG được gia hạn có thể khẳng định rằng Tổng Công ty chưa xuất hiện nghĩa vụ nợ ở thời điểm hiện tại.

- Việc trích lập một khoản dự phòng phát sinh từ một nghĩa vụ liên đới liên quan đến bảo lãnh vay vốn chưa có chuẩn mực kế toán quy định rõ ràng. Do đó, Tổng Công ty đang: (i) vận dụng nguyên tắc thận trọng trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung để thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản bảo lãnh, theo đó, nguyên tắc thận trọng đòi hỏi "phải lập các khoản dự phòng nhưng không được lập quá lớn" và (ii) áp dụng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính quy định "nghiêm cấm doanh nghiệp lợi dụng việc trích lập dự phòng để tính thêm vào chi phí các khoản dự phòng không có đủ căn cứ nhằm làm giảm nghĩa vụ nộp ngân sách". Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đã trích lập khoảng 137,9 tỷ VND/237,8 tỷ VND dư nợ bảo lãnh quá hạn (chiếm 57,98%), theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khoản dự phòng này là hợp lý và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Mặt khác, trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán, khoản dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh của Tổng Công ty cho PVC-SG vay vốn tại Oceanbank – Chi nhánh Sài Gòn đã được Tổng Công ty hoàn nhập 100% giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (với số tiền khoảng 50 tỷ VND) và ý kiến của kiểm toán viên về báo cáo tài chính riêng này là ý kiến chấp nhận toàn phần được thể hiện cụ thể tại Báo cáo kiểm toán số 976/VN1A-HN-BC ngày 30 tháng 3 năm 2015.

Trên các cơ sở các lý do và nội dung đã trình bày ở trên, Hội đồng thẩm định các khoản trích lập dự phòng của Tổng Công ty đã đánh giá đồng ý việc hoàn nhập dự phòng cho nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh khoản vay của PVC-SG tại Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm chi phí tài chính (trình bày tại Thuyết minh số 34).

#### **b) Bảo lãnh thanh toán**

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL.TT-PVCTB với Công ty TNHH Du lịch Dầu khí Thái Bình (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty)) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC-Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Tổng Công ty cam kết và bảo đảm với Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC-Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP và PVC-Thái Bình. Thư bảo lãnh thanh toán có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC-Thái Bình hoàn thành nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên. Trong năm 2016, Tổng Công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá PVC-Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVEP nên nghĩa vụ phải trả của Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh này sẽ chưa phát sinh, vì vậy, Tổng Công ty chưa phải thực hiện bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến vấn đề này trên báo cáo tài chính riêng năm 2016 của Tổng Công ty.

**40. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình do Tổng Công ty thi công**

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lượng hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc

Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây lắp trọn gói với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí để xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc với giá trị là 50.098.000 USD. Do có thay đổi trong thiết kế, theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 1545/VKT-TTTV của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng ngày 19 tháng 12 năm 2011 về việc "Thẩm tra dự toán Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc", tổng giá trị dự toán của dự án sẽ tăng thêm với số tiền 13.997.999 USD (giá trị sau khi thẩm tra dự án là 64.095.999 USD) so với giá trị theo hợp đồng trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các cơ quan có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính riêng này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

Ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính riêng này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2

Tổng Công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN với giá trị là khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN. Theo Công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013 - 2020; Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 07 tháng 01 năm 2015, PVN đã có Công văn số 091/DKVN-HĐTV gửi Thủ tướng Chính phủ đề nghị phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Ngày 16 tháng 12 năm 2015, Bộ Công thương đã có Báo cáo số 12839/BCT-TCNL báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thẩm định tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 2 của Dự án. Ngày 25 tháng 01 năm 2017, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ban hành Quyết định số 573/QĐ-DKVN về việc phê duyệt Tổng dự toán điều chỉnh lần 2 của dự án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chưa phê duyệt Dự toán gói thầu EPC điều chỉnh và Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình đàm phán với chủ đầu tư để ký kết phụ lục hợp đồng EPC. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị hợp đồng EPC công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được điều chỉnh trong tương lai sẽ cao hơn giá trị hợp đồng Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ. Tổng Công ty chưa ghi nhận bất kỳ khoản lãi/lỗ nào tại công trình này, doanh thu tại công trình này được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

#### **b) Kết luận của Thanh tra Chính phủ**

Tổng Công ty là nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTTP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị Tổng Công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với chủ đầu tư do vi phạm Hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ cũng ban hành Thông báo số 3130/TB-TTTP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị: (i) giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng Công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối; (ii) giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 8,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng Công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lặp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính phủ nêu trên được dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng Công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra Chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng Công ty trong các Thông báo nêu trên, do đó, chưa có cơ sở để điều chỉnh số liệu trên báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ các kết luận này của Thanh tra Chính phủ.

#### **c) Thông tin tái cơ cấu Tổng Công ty**

Theo Nghị quyết số 2627/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) về việc tạm phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu PVC giai đoạn 2016-2020, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2016 - 2020 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc (sẽ được thành lập trên cơ sở sắp xếp, thu gọn đầu mối tại 04 đơn vị thành viên nòng cốt: Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô), Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình), Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC), Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS).

Đồng thời, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) và Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) sẽ giải thể, phá sản trong trường hợp Tổng Công ty không thể thoái vốn; và Tổng Công ty sẽ thoái vốn toàn bộ tại các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và thanh lý hết chứng khoán kinh doanh trong giai đoạn 2016 - 2020.



**Vũ Thị Châm**  
**Người lập biểu**

Ngày 10 tháng 4 năm 2017



**Lưu Đức Hoàng**  
**Kế toán trưởng**



**Bùi Tiến Thành**  
**Phó Tổng Giám đốc**